TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY-TỈNH YB**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-KDTM	*TY, ngày 29 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2023/TLST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2 LH, phường TC, Quận BĐ, TP HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được uỷ quyền thường xuyên: Ông Đặng Duy T- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB.

Người được uỷ quyền lại: Ông Đỗ Hải C- Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và Kinh doanh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB.

Bị đơn: Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ Q, xã BH, huyện TY, tỉnh YB.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K- Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng Công trình T - Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) nợ gốc và 454.099.070 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm bẩy mươi đồng) nợ lãi (trong đó nợ lãi trong hạn 75.662.465 đồng, nợ lãi quá hạn 378.436.605 đồng). Tổng cộng là 5.054.099.070 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi tư triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm bẩy mươi đồng) tính đến hết ngày 21-9-2023 cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB.

Kể từ ngày Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chưa thi hành được tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ không trả nợ hoặc trả không hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp mà Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ đã ký kết, bao gồm:

- 7.037,5m^2 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, địa chỉ thửa đất tại Thôn Đ Q, xã BH, huyên TY, tỉnh YB. Đất đã được UBND tỉnh YB cấp GCNQSDĐ cho Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ vào ngày 21/12/2015 tại GCNQSDĐ số sê ri BX 818645, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CT 01713. Diện tích đất trên được đo đạc thẩm định tại chỗ trên cơ sở diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.172m^2 (Có sơ đồ kèm theo).

Tài sản trên đất gồm:

+ 01 nhà điều hành bằng gỗ cấp IV diện tích 86,2m^2.

+ 01 nhà xưởng sản xuất khung thép diện tích 446,7m^2.

+ 01 nhà bảo vệ bằng gỗ diện tích 72,3m^2.

+ 01 nhà làm việc và quan hệ khách hàng cấp IV, hình bát giác, diện tích 68,5m^2.

+ 01 nhà bếp diện tích 55,0 m2.

+ 01 nhà kho kiêm trưng bày sản phẩm diện tích 224,9 m2.

+ 01 nhà khách xây cấp IV có công trình vệ sinh khép kín, diện tích 160,4 m2.

+ Toàn bộ sân, đường bê tông, hệ thống tường rào, cổng, hệ thống thoát nước, giếng, kè quy hoạch và công trình vệ sinh.

+ 02 silo chứa xi măng dung tích 40m^3.

+ 01 trạm định lượng nguyên liệu.

+ 01 hệ thống tời hỗ trợ vận chuyển.
+ 01 chuyển hệ thống điện từ tại chỗ và điều khiển trung tâm.
+ 01 hệ thống móng silo chứa xi măng và phụ gia.
+ 01 máy ép chính QTY6-15C.
+ 01 máy trộn JS 500.
+ 02 băng tải 08m.
+ 01 máy phối liệu PLD 800, 02 khoang.
+ 01 bộ khuân ngoài KT 390x140x180.
+ 01 máy xếp gạch (Bộ nâng hạ).
+ 01 cân định lượng PLC 800.
+ 800 Pallet nhựa PVC.
+ 01 máy xúc lật bánh lốp Komatsu SD 15T-5.
+ 01 xe nâng Komatsu FD 25-HT12.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ trên thì Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ phải có trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà còn thừa thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ.

2.2. Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ nhận chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ có nghĩa vụ hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB.

Kể từ ngày Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình T - Đ nhận chịu: 56.527.050 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm hai mươi bẩy nghìn không trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (Chưa nộp).

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, tỉnh YB được trả lại 56.474.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000485 ngày 10-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh YB.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Phương